TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Q. LIÊN CHIỂU, TP. ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2025/DS-ST
Ngày: 05/5/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Cơ
Ông Nguyễn Công Chi
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Chu Thị Phương Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hùng Cường **-** Kiểm sát viên.
Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở, Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 349/2024/TLST-DS ngày 20/12/2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:
1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ (P1). Địa chỉ: Số B N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, chức danh: Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân T, chức danh: Giám đốc Khối QL&TCTTS và bà Hồ Việt H, chức danh: Phó Giám đốc Khối QL&TCTTS. *Người được ủy quyền lại:* Ông Hoàng Thế Q, bà Phan Thị Thanh H1, ông Phạm Minh H2, ông Nguyễn Văn L1; cùng địa chỉ: số B đường C tháng D, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Theo Giấy ủy quyền số 10771/UQ-PVB ngày 10/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đ và Giấy ủy quyền số 21693/UQ-*

PVB ngày 27/9/2024 của ông Mai Xuân T). Ông Q, ông L1 vắng mặt. Bà H1, ông H2 có mặt.

***2.** Bị đơn:* Ông Võ P, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT: Số B P, tổ G (mới) 19 (cũ), phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ cư trú: Tổ I, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2024, ngày 16/12/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền của mình trình bày:

Nhằm mục đích tiêu dùng, ngày 25/08/2016 ông Võ P có Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 về việc phát hành thẻ tín dụng đứng tên ông Võ P và được Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ xác nhận chấp thuận cấp thẻ tín dụng có hạn mức: 15.000.000 đồng, lãi suất thẻ: 25%/năm. Thực hiện Hợp đồng, P1 đã phát hành thẻ tín dụng có hạn mức 15.000.000 đồng cho ông Võ P theo quy định của ngân hàng. Ông Võ P đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt và thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng theo quy định. Ông Võ P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 70.677.000 đồng, đã thanh toán số tiền 68.066.791 đồng (trong đó gốc: 51.014.018 đồng, lãi 16.043.460 đồng và phí: 1.009.313 đồng). Quá trình sử dụng thẻ, ông Võ Phi K thực hiện thanh toán đúng như cam kết và bắt đầu vi phạm thanh toán đối với P1 kể từ kỳ thanh toán ngày 22/10/2018.

Tạm tính đến ngày 05/5/2025, ông Võ P còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số tiền: 104.314.399 đồng, trong đó: Nợ gốc 7.889.982 đồng, nợ lãi: 30.520.287 đồng và các khoản phí 65.904.130 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Võ P thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi và phí phát sinh theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 tạm tính đến hết ngày 05/5/2025 là 104.314.399 đồng, trong đó: Nợ gốc 7.889.982 đồng, nợ lãi: 30.520.287 đồng và các khoản phí 65.904.130 đồng.

2. Buộc ông Võ P phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi, phí phát sinh theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 kể từ ngày 06/5/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

Bị đơn là ông Võ P vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Toà án

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện; bản sao Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 Mastercard ngày 25/08/2016, bảng theo dõi thẻ tín dụng khách hàng, sao kê giao dịch thẻ tín dụng; hồ sơ pháp lý của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Võ P phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ gốc và lãi, phí tính đến ngày xét xử là 104.314.399 đồng. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại quận L. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự nào có yêu cầu áp dụng thời hiệu, căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[4] Vào ngày 25/08/2016, Ngân hàng Đ và ông Võ P ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Mastercard: Hạn mức thẻ tín dụng: 15.000.000 đồng; Lãi suất: Lãi suất thẻ: 25%/năm; các loại phí gồm: Phí thường niên: năm đầu miễn phí, từ năm thứ 2 : 300.000 đồng/năm; Phí phạt chậm thanh toán: 5% số tiền chậm thanh toán. Thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng có hạn mức 15.000.000 đồng cho ông Võ P theo quy định của ngân hàng. Ông Võ P đã sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt và thực hiện giao dịch thanh toán mua hàng với tổng số tiền giao dịch là 70.677.000 đồng. Ông P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 68.066.791 đồng (trong đó gốc: 51.014.018 đồng, lãi 16.043.460 đồng và phí: 1.009.313 đồng). Kể từ kỳ thanh toán ngày 22/10/2018 thì ông Võ Phi K thực hiện thanh toán đúng như cam kết và bắt đầu vi phạm thanh toán đối với P1. Tính đến ngày xét xử 05/5/2025, ông P còn nợ ngân hàng số tiền là 104.314.399 đồng, trong đó: Nợ gốc 7.889.982 đồng, nợ lãi: 30.520.287 đồng và các khoản phí 65.904.130 đồng.

[5] Xét thấy việc ký kết Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế PVcomBank Mastercard giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận trong không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 Mastercard ngày 25/08/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Võ P có hiệu lực và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông P không thanh toán nợ gốc, lãi và phí đúng hạn theo thỏa thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều khoản, Điều kiện về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tại P1 đã ký kết. Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày xét xử ngày 05/5/2025 là 104.314.399 đồng, trong đó: Nợ gốc 7.889.982 đồng, nợ lãi: 30.520.287 đồng và các khoản phí 65.904.130 đồng.

[7] Lãi suất, phí tiếp tục được tính kể từ ngày 06/5/2025 theo mức lãi suất và phí các bên đã thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 cho đến khi ông P thanh toán xong khoản nợ.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải chịu theo quy định của pháp luật là: 104.314.399 đồng x 5% = 5.215.719 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với ông Võ P về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Tuyên xử:

1. Buộc ông Võ P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ theo Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 là: 104.314.399 đồng (*một trăm lẽ bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn ba trăm chín mươi chín đồng*) (Trong đó: Nợ gốc 7.889.982 đồng, nợ lãi: 30.520.287 đồng và các khoản phí 65.904.130 đồng; lãi, phí được tính đến ngày 05/5/2025).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ P còn phải tiếp tục trả lãi, phí theo mức lãi suất, phí các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là Đơn đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế P1 ngày 25/08/2016 cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ P phải chịu 5.215.719 đồng (*năm triệu hai trăm mười làm nghìn bảy trăm mười chín đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 1.718.632 đồng (*một triệu bảy trăm mười tám nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng*) đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009213 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Pham Anh T1